

THỐNG KÊ KẾT QUẢ RÈN LUYỆN HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2019-2020
PHÂN THEO KHOA NGHỀ

S TT	NGÀNH	SỐ SỐ		KẾT QUẢ RÈN LUYỆN										GHI CHÚ (Không xếp loại)
		TỔNG	NỮ	Xuất sắc		Tốt		Khá		Trung Bình		Yếu		
				SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
1	Điện công nghiệp	461	0	14	3,04	23	4,99	191	41,43	208	45,12	7	1,52	18
	Điện tử công nghiệp	19	0	0	0,00	1	5,26	16	84,21	1	5,26	1	5,26	0
	CNKT Điện_Điện tử	508	9	47	9,25	47	9,25	189	37,20	166	32,68	13	2,56	46
	Cơ điện tử	140	2	7	5,00	11	7,86	55	39,29	63	45,00	0	0,00	4
	CNKT ĐK Tự động	160	0	10	6,25	8	5,00	62	38,75	73	45,63	4	2,50	3
	Điện công nghiệp	276	4	1	0,36	38	13,77	47	17,03	173	62,68	7	2,54	11
	Điện tử công nghiệp	15	1	0	0,00	0	0,00	2	13,33	13	86,67	0	0,00	0
	CNKT Điện_Điện tử	137	2	2	1,46	2	1,46	16	11,68	110	80,29	6	4,38	1
	Cơ điện tử	78	0	10	12,82	7	8,97	13	16,67	48	61,54	0	0,00	0
2	Lắp đặt thiết bị lạnh	24	0	1	4,17	0	0,00	6	25,00	17	70,83	0	0,00	0
	Kỹ thuật ML&ĐHKK	214	2	11	5,14	13	6,07	51	23,83	134	62,62	0	0,00	5
	VH - SC thiết bị lạnh	272	0	6	2,21	14	5,15	82	30,15	155	56,99	1	0,37	14
	CNKT Nhiệt	166	0	11	6,63	13	7,83	70	42,17	59	35,54	1	0,60	12
	Lắp đặt thiết bị lạnh	98	0	0	0,00	0	0,00	3	3,06	93	94,90	2	2,04	0
	CNKT Nhiệt	28	0	0	0,00	1	3,57	2	7,14	25	89,29	0	0,00	0
	Kỹ thuật ML&ĐHKK	90	0	0	0,00	0	0,00	2	2,22	83	92,22	5	5,56	0
	VH - SC thiết bị lạnh	149	0	1	0,67	4	2,68	17	11,41	122	81,88	5	3,36	0
3	Bảo trì HT - TB - CN	79	0	1	1,27	2	2,53	25	31,65	40	50,63	0	0,00	11
	Cắt gọt kim loại	29	0	0	0,00	1	3,45	16	55,17	12	41,38	0	0,00	0
	CNKT Cơ khí	1054	5	16	1,52	68	6,45	329	31,21	500	47,44	85	8,06	56
	CN Chế tạo máy	182	1	4	2,20	4	2,20	18	9,89	135	74,18	20	10,99	1
	Cắt gọt kim loại	13	0	0	0,00	0	0,00	1	7,69	12	92,31	0	0,00	0
	Cơ khí chế tạo	112	0	2	1,79	1	0,89	7	6,25	97	86,61	5	4,46	0
	CNKT Cơ khí	198	0	2	1,01	12	6,06	18	9,09	150	75,76	8	4,04	8



S TT	NGÀNH	SỐ SỐ		KẾT QUẢ RÈN LUYỆN										GHI CHÚ (Không xếp loại)
		TỔNG	NỮ	Xuất sắc		Tốt		Khá		Trung Bình		Yếu		
				SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
4	Công nghệ Ô Tô	2251	11	26	1,16	70	3,11	627	27,85	1232	54,73	75	3,33	221
	Công nghệ Ô Tô	714	2	9	1,26	17	2,38	125	17,51	530	74,23	26	58,60	7
5	Công nghệ May	177	164	13	7,34	20	11,30	99	55,93	42	23,73	0	0,00	3
	CN May & Thời trang	126	111	9	7,14	19	15,08	38	30,16	56	44,44	4	3,17	0
6	An ninh mạng	34	1	0	0,00	0	0,00	20	58,82	6	17,65	1	2,94	7
	CNKT Máy tính	129	1	4	3,10	11	8,53	63	48,84	32	24,81	5	3,88	14
	Thiết kế đồ họa	157	21	10	6,37	18	11,46	31	19,75	72	45,86	4	2,55	22
	Thương mại điện tử	11	2	0	0,00	0	0,00	5	45,45	6	54,55	0	0,00	0
	Thiết kế trang Web	50	4	0	0,00	2	4,00	15	30,00	22	44,00	5	10,00	6
	Tin học ứng dụng	44	3	3	6,82	5	11,36	22	50,00	14	31,82	0	0,00	0
	Lập trình máy tính	177	5	3	1,69	2	1,13	63	35,59	90	50,85	10	5,65	9
	Quản trị mạng máy tính	195	13	8	4,10	7	3,59	53	27,18	89	45,64	6	3,08	32
	An ninh mạng	97	7	7	7,22	16	16,49	18	18,56	52	53,61	4	4,12	0
	CNKT phần cứng MT	155	3	0	0,00	2	1,29	12	7,74	127	81,94	14	9,03	0
	Thiết kế đồ họa	199	67	2	1,01	6	3,02	35	17,59	147	73,87	9	4,52	0
	Thiết kế trang Web	111	16	2	1,80	4	3,60	19	17,12	83	74,77	3	2,70	0
	Thương mại điện tử	25	12	1	4,00	3	12,00	9	36,00	12	48,00	0	0,00	0
	Tin học ứng dụng	146	40	10	6,85	13	8,90	37	25,34	84	57,53	2	1,37	0
	Lập trình máy tính	213	16	2	0,94	4	1,88	31	14,55	168	78,87	7	3,29	1
	Quản trị mạng máy tính	201	15	4	1,99	8	3,98	33	16,42	133	66,17	4	1,99	19
7	Kế toán doanh nghiệp	221	179	29	13,12	29	13,12	74	33,48	69	31,22	3	1,36	17
	Quản trị doanh nghiệp	180	86	0	0,00	14	7,78	39	21,67	92	51,11	4	2,22	31
	Logistics	28	6	2	7,14	4	14,29	8	28,57	10	35,71	0	0,00	4
	Logistics	29	8	0	0,00	1	3,45	5	17,24	23	79,31	0	0,00	0
	Tài chính doanh nghiệp	54	28	2	3,70	8	14,81	17	31,48	23	42,59	4	7,41	0
	Kế toán doanh nghiệp	189	154	5	2,65	14	7,41	39	20,63	129	68,25	2	1,06	0
	Quản trị doanh nghiệp	169	99	5	2,96	11	6,51	42	24,85	106	62,72	5	2,96	0

S TT	NGÀNH	SĨ SỐ		KẾT QUẢ RÈN LUYỆN										GHI CHÚ (Không xếp loại)
		TỔNG	NỮ	Xuất sắc		Tốt		Khá		Trung Bình		Yếu		
				SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
8	Tiếng Anh	141	77	4	2,84	3	2,13	50	35,46	70	49,65	3	2,13	11
	Tiếng Anh	337	208	0	0,00	12	3,56	37	10,98	273	81,01	15	4,45	0
9	Kỹ thuật Xây dựng	84	0	6	7,14	11	13,10	30	35,71	31	36,90	2	2,38	4
	Kỹ thuật Xây dựng	51	2	0	0,00	1	1,96	3	5,88	44	86,27	3	5,88	0
TỔNG TOÀN TRƯỜNG		11.197	1.387	312	2,79	605	5,40	2.937	26,23	6.356	56,77	390	3,48	598

* Ghi chú: Tổng số 598 SV không xếp loại chiếm 5,34% do SV nghỉ học không có điểm tổng kết

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 8 năm 2020

TRƯỞNG PHÒNG TTGD - CTSV



Lê Xuân Thiện

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Đinh Hồng Minh



- Từ TB trở lên	10.210	91,19
- Yếu	390	3,48
- Không xếp loại	598	5,34

